

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH E**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 259/2024/HNGĐ-ST

Ngày 13-9-2024

V/v ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH E

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Đ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu P.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết K.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Hoài T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh E tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trường V – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 65/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Dương Thị G** – Sinh năm: 1969; nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện D, tỉnh E (có mặt).

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn A** – Sinh năm: 1965; nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện D, tỉnh E (vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 01 năm 2024 và các lời khai, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Dương Thị G yêu cầu:

1.1. Về hôn nhân: Chị Dương Thị G và anh Nguyễn Văn A có tìm hiểu và đi

đến với nhau từ năm 1995, sau đó mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh E vào ngày 21/8/2008. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị và anh A không hiểu nhau, bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Đỉnh điểm của mâu thuẫn từ đầu năm 2020, chị và anh A không sống chung với nhau như vợ chồng cho đến nay và cũng từ đó vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn A.

1.2. Về con chung của vợ chồng: Chị và anh Nguyễn Văn A có hai cháu tên Nguyễn Văn S, sinh năm 1996 và Nguyễn Văn T, sinh năm 1997, hai con đã trưởng thành và có công việc ổn định. Khi ly hôn hai cháu muốn ở với ai tùy hai cháu và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Dương Thị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn A, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý cũng như các thông báo hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn A cố tình lẩn tránh từ chối khai báo.

Bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tại phiên tòa hôm nay đã nêu rõ trình tự thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử đúng theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Dương Thị G được ly hôn với anh Nguyễn Văn A.

Về con chung: Chị Dương Thị G không yêu cầu, anh Nguyễn Văn A cố tình lẩn tránh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Chị Dương Thị G không yêu cầu, anh Nguyễn Văn A cố tình lẩn tránh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí HNST: Chị Dương Thị G phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn A được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh A vẫn cố tình vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị G và anh Nguyễn Văn A sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1995, sau đó mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh E vào ngày 21 tháng 8 năm 2008. Hôn nhân của chị G và anh A là hợp pháp, phù hợp với Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hiểu nhau, bất đồng về quan điểm sống. Đỉnh điểm của mâu thuẫn từ đầu năm 2020, chị G và anh A không sống chung với nhau như vợ chồng cho đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Ngày 30 tháng 01 năm 2024, chị Dương Thị G làm đơn khởi kiện ly hôn gửi đến Tòa án. Quá trình Tòa giải quyết, anh A cố tình lẩn tránh và tại phiên tòa hôm nay anh A cũng cố tình lẩn tránh nên Hội đồng xét xử không biết được nguyện vọng của anh A. Tòa xét thấy tình trạng hôn nhân của chị G và anh A đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị G là phù hợp với Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Dương Thị G không yêu cầu, anh Nguyễn Văn A cố tình lẩn tránh nên không biết nguyện vọng của anh A nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Chị Dương Thị G không yêu cầu, anh Nguyễn Văn A cố tình lẩn tránh không ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí HNST: Chị Dương Thị G phải chịu theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh E phát biểu quan điểm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Dương

Thị G được ly hôn với anh Nguyễn Văn A.

2. Về con chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí HNST: Chị Dương Thị G phải chịu 300.000^d sung ngân sách Nhà nước, chị G đã nộp tạm ứng án phí khởi kiện 300.000^d theo biên lai thu tiền số 0006769 ngày 25 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện D nay được khấu trừ.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh E;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã C, huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Cao Văn Đ